

Số: 05/BC-HĐQT

Trảng Bom, ngày 02 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty

Căn cứ Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thống Nhất xin báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Công ty cụ thể như sau:

PHẦN 1
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

1/ Thực hiện các chỉ tiêu cơ bản:

Kết quả hoạt động kinh doanh 2019:

(Đvt: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	So sánh với (%)	
					Kế hoạch	Năm 2018
1.	Tổng doanh thu	201.969	76.670	203.124	100,57	264,93
2.	Tổng chi phí	104.658	50.498	100.206	95,75	198,44
3.	Lợi nhuận trước thuế	97.311	26.171	102.918	105,76	393,24
4.	Thuế TNDN	17.458	3.103	17.893	102,49	576,55
5.	Lợi nhuận sau thuế	79.852	23.068	85.024	106,48	368,58
	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang			2.562		
	Tổng lợi nhuận chưa phân phối			87.587		
6.	Phân phối cổ tức	24.600	24.600	41.000	166,67	166,67
7.	Tỷ suất cổ tức/vốn điều lệ	30%	30%	50%	166,67	166,67



2/ Công tác đầu tư:

Trong năm 2019 Công ty đã tập trung xây dựng Khu Trung tâm Dịch vụ, đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng – giai đoạn 2 với diện tích 24,2 ha, gồm các hạng mục: San nền, đường giao thông, hệ thống cấp điện, cấp nước – PCCC, thoát nước mưa, thoát nước thải, chiếu sáng, thông tin liên lạc. Dự án KCN Bàu Xéo trong năm 2019 do vướng công tác bồi thường giải phóng mặt bằng nên chủ yếu hoàn thiện một số hạng mục hạ tầng ở những khu vực đã hoàn tất công tác bồi thường.

Giá trị thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019 đạt 34,35% so với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tương ứng 109,82 tỷ đồng/319,75 tỷ đồng.

Lũy kế đến ngày 28/12/2019, tổng giá trị thanh toán đầu tư của KCN là 435,02 tỷ đồng (trong đó chi phí bồi thường là 161,07 tỷ đồng) so với tổng mức đầu tư được duyệt là 673,69 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 64,57%, tổng giá trị thanh toán đầu tư của Khu Trung tâm Dịch vụ là 294,06 tỷ đồng (trong đó chi phí bồi thường và sử dụng đất là 149,99 tỷ đồng) so với tổng mức đầu tư được duyệt là 842,48 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 34,90%.

3/ Công tác chủ yếu khác:

- Tập trung thực hiện các thủ tục để nghiệm thu và xác nhận đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất Khu Trung tâm Dịch vụ – giai đoạn 2 và việc ký kết hợp đồng bán nhà ở hình thành trong tương lai theo đúng quy định.

- Thực hiện các thủ tục đầu tư đối với các dự án thành phần (nhà ở công nhân, y tế, văn hoá, giáo dục) của Khu Trung tâm Dịch vụ theo đúng quy định.

- Sở Xây dựng đã cấp phép xây dựng khu nhà chung cư cho công nhân theo Giấy phép xây dựng số 62/GPXD ngày 04/9/2019.

- Điều chỉnh chủ trương đầu tư của dự án Khu Trung tâm Dịch vụ (tiến độ, tổng mức đầu tư,...) cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai nhằm xử lý dứt điểm các kiến nghị của Thanh tra Tổng cục Quản lý đất đai đảm bảo đúng quy định của Pháp luật.

- Thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định giao đất của KCN và Khu trung tâm dịch vụ do việc điều chỉnh đất giao thông và đất cây xanh sang đất cửa hàng xăng dầu.

- Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán công trình nhà ở liên kế, biệt thự.

- Hoàn tất việc đánh giá cấp Giấy chứng nhận hệ thống ISO 14001:2015.

PHẦN 2
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020

1/ Kế hoạch các chỉ tiêu cơ bản: (Chi tiết phụ lục 1 kèm theo)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2019	Tỷ lệ %
I/	Doanh thu	295.555	203.124	145,50
II/	Chi phí	161.358	100.206	161,03
III/	Lợi nhuận trước thuế	134.197	102.918	130,39
IV/	Thuế TNDN	25.914	17.893	144,83
V/	Lợi nhuận sau thuế	108.282	85.024	127,35
VI/	Lợi nhuận giữ lại năm trước chuyển sang	37.814	2.562	1475,96
VII/	Tổng lợi nhuận chưa phân phối	146.097	87.587	166,80
VIII/	Phân bổ lợi nhuận	52.662	49.772	105,81
1.	Quỹ đầu tư phát triển (05%)	5.414	4.251	127,36
2.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.000	2.395	125,26
3.	Thưởng cho HĐQT&BKS (02%)	2.165	1.700	127,35
4.	Thưởng cho Ban Điều hành (01%)	1.082	425	254,59
5.	Phân phối cổ tức	41.000	41.000	100,00
IX/	Dự kiến cổ tức	50%	50%	100,00

2/ Kế hoạch đầu tư:

- Việc triển khai đầu tư xây dựng được thực hiện trên cơ sở hoàn thiện tiếp các công trình dở dang của năm 2019 chuyển sang với giá trị thực hiện đầu tư 40,33 tỷ đồng và từng bước đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng KCN theo đúng quy hoạch chi tiết được phê duyệt. Đồng thời tập trung đầu tư hoàn thiện các hạng mục thuộc dự án Khu Trung tâm Dịch vụ theo chấp thuận đầu tư của Ủy ban Nhân dân tỉnh với tổng giá trị thực hiện đầu tư 257,62 tỷ đồng. Đối với hạng mục đầu tư xây dựng nhà ở liên kế, biệt thự tiếp giáp các trục đường quy định phải xây nhà để bán khi có khách hàng cam kết mua nhà, với hạng mục này Công ty sẽ cân đối vốn từ nguồn thu của khách hàng.

- Thực hiện các thủ tục đầu tư, xây dựng 02 công trình cửa hàng xăng dầu tại KCN Bàu Xéo và Khu Trung tâm Dịch vụ.

- Việc xác định tiến độ và kế hoạch giải ngân các công trình năm 2020 sẽ được tính toán cụ thể phù hợp với diễn biến của quá trình triển khai đầu tư xây

dựng KCN và Khu Trung tâm Dịch vụ.

(Chi tiết phụ lục 2 kèm theo)

- Để đảm bảo cân đối đủ nguồn triển khai dự án, hạn chế đến mức tối đa phải vay vốn từ các tổ chức tín dụng, ngoài vốn tự có, Công ty sẽ huy động vốn góp từ khách hàng đảm bảo cho nhu cầu đầu tư năm 2020.

(Chi tiết phụ lục 3 kèm theo)

3/ Giải pháp thực hiện:

- Kiểm soát chặt chẽ công tác đầu tư và tiết giảm tối đa chi phí nhằm bảo đảm kết quả kinh doanh đã đề ra cho Công ty, tập trung một số nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Tập trung đầu tư xây dựng hoàn thiện các dự án thành phần (nhà ở công nhân, y tế, văn hoá, giáo dục) theo quy hoạch được duyệt đảm bảo đủ điều kiện kinh doanh, chuyển nhượng theo quy định. Cụ thể:

+ Đối với đất ở chung cư: Công ty sẽ tập trung hoàn thiện hồ sơ thiết kế theo đúng quy định, riêng đối với quỹ đất chung cư phục vụ công nhân (20.450m²) sẽ xây dựng 02 block nhà chung cư với khoảng 200 căn hộ và tìm kiếm khách hàng cho thuê, bán theo đúng quy định.

+ Đối với các công trình dịch vụ như: Trung tâm dịch vụ, nhà văn hoá, bưu điện, nhà hàng, khách sạn, phòng khám đa khoa, trường mầm non, cửa hàng thương mại dịch vụ: Công ty sẽ tìm kiếm đối tác chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc liên kết đầu tư theo đúng quy định.

+ Lập thủ tục đầu tư đối với các lô đất xây dựng chung cư cho công nhân CC1A, CC1B, CC2 của Khu Trung tâm Dịch vụ theo đúng quy định.

- Tập trung thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường: kiểm soát chặt việc xả thải của các Doanh nghiệp, không để nước thải về Nhà máy XLNT vượt khả năng xử lý của Trạm. Trong mùa mưa phải thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom nước thải, nước mưa của các Doanh nghiệp, đảm bảo được tách riêng biệt không để xảy ra hiện tượng nước thải lẫn vào hệ thống thoát nước mưa và ngược lại.

- Tập trung thu hồi công nợ, cố gắng không để phát sinh nợ xấu.

4/ Kiến nghị:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ Công ty Cổ phần Thống Nhất, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định, lựa chọn và thông qua các vấn đề sau:

4.1/ Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Thống

Nhất do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán (đã được công bố trên website của Công ty).

4.2/ Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2019:

- Trích quỹ Đầu tư phát triển : 4.251.237.433 đồng.
- Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi : 2.395.705.768 đồng
- Trích thưởng cho HĐQT và BKS : 1.700.494.973 đồng.
- Trích thưởng cho Ban Điều hành : 425.123.743 đồng.
- Trả cổ tức năm 2019 tỷ lệ 50% : 41.000.000.000 đồng (đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất tại Nghị quyết số: 01/NQ.ĐHĐCĐ ngày 05/02/2020)
- Lợi nhuận giữ lại chưa chia : 37.814.698.463 đồng.

4.3/ Chế độ thù lao của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty năm 2020, cụ thể như sau:

- Thù lao HĐQT (06 thành viên): 720.000.000 đồng.
- Thù lao Ban Kiểm soát (03 thành viên): 288.000.000 đồng.
- Tổng cộng: 1.008.000.000 đồng (*Một tỷ, không trăm lẻ tám triệu đồng chẵn*).

(Thuế TNCN đối với các khoản thù lao nêu trên do Công ty thanh toán).

4.4/ Bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh mới:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Mã ngành 4661)
 - + Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (Mã ngành 46613)
 - + Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan (Mã ngành 46614)
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành 4730)
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành 4773)
 - + Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành 47735)

4.5/ Ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Chọn một trong ba đơn vị sau: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC,

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2020 của Công ty.

- Xem xét, quyết định thời điểm và phương án tăng vốn Điều lệ của Công ty trong năm 2020 lên mức 200 tỷ đồng (*Hai trăm tỷ đồng*) nhằm đáp ứng đủ điều kiện tham gia phát triển các Dự án trong tương lai.

- Quyết định các vấn đề liên quan được quy định tại Khoản 1, Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

- Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2020 chủ động quyết định mức chi tạm ứng cổ tức năm 2019 cho cổ đông Công ty nhưng không vượt quá 50% như kế hoạch.

Trên đây là kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Công ty Cổ phần Thống Nhất, xin báo cáo trước Đại hội và xin các đại biểu cho ý kiến đóng góp thêm giúp Công ty trong quá trình xây dựng và phát triển nhằm mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty và các cổ đông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT;
- Các thành viên BKS;
- Ban TGD Công ty;
- Lưu VT, P. ĐTKD.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Sơn

PHỤ LỤC 01
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020

(Đơn vị: Đồng)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ KH 2020 so TH 2019 (%)
I/	Tổng doanh thu	203.124.903.057	295.555.922.975	145,50
A/	Khu công nghiệp	91.152.626.730	77.825.572.202	85,38
1.	DT bán hàng và dịch vụ	71.802.433.841	69.825.572.202	97,25
	- Tiền thuê đất	3.969.957.071	4.174.461.188	105,15
	- Phí sử dụng hạ tầng	36.227.072.591	33.909.145.021	93,60
	- Phí quản lý	11.033.929.119	11.453.797.073	103,81
	- Cấp nước sạch	15.219.042.500	15.487.809.000	101,77
	- Xử lý nước thải	5.052.432.560	4.500.359.920	89,07
	- Cho thuê văn phòng	300.000.000	300.000.000	100,00
2.	Thu nhập khác (thu tài chính & thu khác)	19.350.192.889	8.000.000.000	41,34
B/	Khu Trung tâm Dịch vụ	111.972.276.327	217.730.350.773	194,45
	Khu TTDV	111.972.276.327	217.730.350.773	
II/	Tổng chi phí	100.206.807.593	161.358.470.705	161,03
A/	KCN	55.680.225.382	59.328.865.414	106,55
1.	Giá vốn bán hàng	33.063.339.667	38.332.944.301	115,94
	-Tiền thuê đất và hạ tầng	13.847.560.215	19.500.000.000	140,82
	+ <i>Tiền thuê đất KCN Bàu Xéo 2</i>		<i>2.141.239.634</i>	
	+ <i>Phân bổ chi phí bồi thường, san nền...</i>	<i>2.853.309.309</i>	<i>2.900.000.000</i>	<i>101,64</i>
	+ <i>Chi phí chăm sóc bảo dưỡng cây xanh, Chi phí duy tu bảo dưỡng hạ tầng KCN</i>	<i>2.520.806.149</i>	<i>3.588.734.226</i>	<i>142,36</i>
	+ <i>Khấu hao hạ tầng KCN</i>	<i>8.473.444.757</i>	<i>10.870.026.140</i>	<i>128,28</i>
	- Giá vốn nước sạch	14.760.792.325	14.772.880.431	100,08
	- Giá vốn xử lý nước thải	4.454.987.127	4.060.063.870	91,14
2.	Chi phí tài chính	2.906.629	100.000.000	3440,41
3.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.723.801.040	20.795.921.114	105,44

4.	Chi phí khác	2.890.178.046	100.000.000	3,46
B/	Khu Trung tâm Dịch vụ	44.526.582.211	102.029.605.291	229,14
	- Tiền sử dụng đất, đầu tư hạ tầng	42.197.654.814	82.864.105.691	196,37
	- Chi phí xây dựng nhà thô		13.165.499.600	
	- Chi phí quảng cáo, tiếp thị	805.927.500	1.500.000.000	186,12
	- Phí chuyển nhượng quyền SDD.	771.312.482	2.500.000.000	324,12
	- Chi phí chăm sóc bảo dưỡng cây xanh, bảo quản và duy tu bảo dưỡng hạ tầng, điện chiếu sáng	751.687.415	2.000.000.000	266,07
III/	Lợi nhuận trước thuế	102.918.095.464	134.197.452.270	130,39
1.	Lợi nhuận trước thuế	102.918.095.464	134.197.452.270	130,39
	<i>Lợi nhuận KCN và hoạt động khác</i>	<i>35.472.401.348</i>	<i>18.496.706.788</i>	<i>52,14</i>
	<i>Lợi nhuận Khu TTDV</i>	<i>67.445.694.116</i>	<i>115.700.745.482</i>	<i>171,55</i>
IV/	Thuế TNDN	17.893.346.804	25.914.655.115	144,83
V/	Lợi nhuận sau thuế	85.024.748.660	108.282.797.155	127,35
VI/	Lợi nhuận giữ lại năm trước chuyển sang	2.562.511.720	37.814.698.463	1475,69
VII/	Tổng lợi nhuận chưa phân phối	87.587.260.380	146.097.495.618	166,80
VIII/	Phân bổ lợi nhuận	49.772.561.917	52.662.623.772	105,81
1.	Quỹ Đầu tư phát triển	4.251.237.433	5.414.139.858	127,35
2.	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	2.395.705.768	3.000.000.000	125,22
3.	Thưởng HĐQT + BKS (02%)	1.700.494.973	2.165.655.943	127,35
4.	Ban điều hành (01%)	425.123.743	1.082.827.972	254,71
5.	Phân phối cổ tức (50%)	41.000.000.000	41.000.000.000	100,00
IX/	Lợi nhuận giữ lại	37.814.698.463	93.434.871.845	247,08
X/	Tỷ suất cổ tức/vốn điều lệ (82 tỷ)	50,00%	50,00%	100,00

PHỤ LỤC 02
CÂN ĐỐI NGUỒN ĐẦU TƯ NĂM 2020

Stt	Diễn giải	Giá trị (đồng)	Ghi chú
I/	NGUỒN THU	500.134.720.100	
1.	Tiền mặt và các khoản tương đương tiền	330.213.101.066	
2.	Thu tiền nộp lần đầu của các DN thuê lại đất	46.500.000.000	
3.	Thu tiền sử dụng hạ tầng, thuê đất, quản lý KCN	35.133.450.114	
4.	Thu tiền dự án Khu TTDV	60.000.000.000	
5.	Thu tiền bán nước sạch	15.487.809.000	
6.	Thu phí xử lý nước thải	4.500.359.920	
7.	Thu cho thuê nhà văn phòng	300.000.000	
8.	Thu hoạt động tài chính & thu khác	8.000.000.000	
II/	CÁC KHOẢN CHI	241.259.864.636	
1.	Thanh toán cho các công trình xây dựng chuyển tiếp của năm 2019.	24.001.016.473	
2.	Đầu tư theo kế hoạch XD/CB năm 2020	74.992.938.959	
3.	Chi cổ tức năm 2019	41.000.000.000	
4.	Chi khen thưởng, phúc lợi	5.707.069.929	
5.	Chi phí mua nước sạch	14.772.880.431	
6.	Chi phí xử lý nước thải	4.060.063.870	
7.	Nộp tiền thuê đất, thuế TNDN và GTGT	46.141.239.634	
8.	Chi hoạt động thường xuyên (chi phí quản lý, quan trắc môi trường, duy tu, bảo dưỡng hạ tầng & cây xanh, sửa chữa nhỏ).	30.584.655.340	
III/	CÂN ĐỐI NGUỒN (I-II)	258.874.855.464	

PHỤ LỤC 03
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2020

(Đvt: đồng)

Stt	Hạng mục công trình	Giá trị thực hiện đầu tư	Nguồn vốn thực hiện	
			Vốn tự có	Vốn huy động khách hàng
A.	CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP SANG NĂM 2020	40.333.074.827	24.001.016.473	16.332.058.355
I.	KCN BÀU XÉO	2.943.220.177	2.943.220.177	
1.	Tư vấn thiết kế, thẩm tra, giám sát, thanh toán giá trị còn lại theo hợp đồng, bảo hành	1.979.220.177	1.979.220.177	
2.	Thi công san nền KCN Bàu Xéo 1 - GD 2 (Diện tích đất thu hồi 2,5 ha trong phương án bồi thường đợt 4)	564.000.000	564.000.000	
3.	Tường rào KCN Bàu Xéo 1 - đoạn 3	400.000.000	400.000.000	
II.	KHU TTDV KCN BÀU XÉO	37.389.854.650	21.057.796.296	16.332.058.355
1.	Thanh toán giá trị bảo hành các công trình	3.724.321.052	3.724.321.052	
2.	Xây dựng khu nhà chung cư cho công nhân: Block 6	23.331.511.935	6.999.453.581	16.332.058.355
3.	Xây lắp hạ tầng khu nhà chung cư công nhân - giai đoạn 1	9.583.172.408	9.583.172.408	
4.	Tư vấn giám sát, QLDA, bảo hiểm và kiểm toán quyết toán hoàn thành công trình 1 block nhà chung cư	750.849.255	750.849.255	
B.	C/TRÌNH TRIỂN KHAI NĂM 2020	257.624.711.313	74.992.938.959	182.631.772.355
I.	KCN BÀU XÉO	41.975.000.000	41.975.000.000	0
1.	Tư vấn đầu tư xây dựng	600.000.000	600.000.000	
2.	Đền bù giải phóng mặt bằng	12.000.000.000	12.000.000.000	
3.	Đường số 4A - đoạn 1 (từ cọc H3 đến ĐS 3A): Sửa chữa và thảm bê tông nhựa lớp 2	4.000.000.000	4.000.000.000	
4.	Đường song hành bên phải QL1A (Trước cổng công ty Thái Nguyên): Giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải	100.000.000	100.000.000	

5.	Đường song hành bên phải QL1A đoạn từ cổng Cty Woosung đến đường số 9A: Cây xanh	50.000.000	50.000.000	
6.	Đường số 8A-đoạn 1, 2 (từ cọc H3 đến ĐS 9A): Cây xanh	150.000.000	150.000.000	
7.	Đường số 8A-đoạn 1, 2 (từ cọc H3 đến ĐS 9A), 9A-đoạn 3: Cấp nước sạch	650.000.000	650.000.000	
8.	San nền KCN giai đoạn 3, 4, một số diện tích thuộc giai đoạn 2 sau khi thu hồi được đất	2.100.000.000	2.100.000.000	
9.	Trồng cây xanh cách ly KCN Bàu Xéo với ranh phía Đông KCN (xã Tây Hòa)	55.000.000	55.000.000	
10.	Xây lắp công trình bờ kè bảo vệ mái taluy đường số 9A	2.900.000.000	2.900.000.000	
11.	Hạ tầng kỹ thuật lô đất N2	3.500.000.000	3.500.000.000	
12.	San nền khu đất Công ty Pousung dọc QL1A (ranh Công ty Shing Mark đến ô tô Hyundai)	470.000.000	470.000.000	
13.	Trồng cây xanh cách ly KCN Bàu Xéo 2 với QL1A (đoạn trước Công ty Pousung)	600.000.000	600.000.000	
14.	Cửa hàng xăng dầu KCN	6.000.000.000	6.000.000.000	
15.	Sửa chữa, lắp đặt nội thất nhà văn phòng, trạm xử lý nước thải	600.000.000	600.000.000	
16.	Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	5.200.000.000	5.200.000.000	
17.	Mua sắm tài sản, thiết bị Công ty	3.000.000.000	3.000.000.000	
II.	KHU TTDV KCN BÀU XÉO	215.649.711.313	33.017.938.959	182.631.772.355
1.	Tư vấn đầu tư xây dựng	6.497.179.378	6.497.179.378	
2.	Xây dựng khu nhà chung cư cho công nhân: 1 block nhà chung cư - Block 5	23.331.511.935	6.999.453.581	16.332.058.355
3.	Xây dựng nhà liên kế, biệt thự (nhà thô)- gđ1	66.900.000.000		66.900.000.000
4.	Xây dựng nhà liên kế, biệt thự (nhà thô)- gđ2	75.200.000.000		75.200.000.000
5.	Hạ tầng kỹ thuật Khu TTDV: Điện trung thế - gđ2 (trạm T3, T2, T1 cung cấp điện ô đất C8, CC1B, CC1A, C1, CC2)	2.450.000.000	2.450.000.000	

6.	Trường mầm non C8	17.875.000.000	5.362.500.000	12.512.500.000
7.	Cửa hàng Thương mại Dịch vụ C10	8.066.340.000	2.419.902.000	5.646.438.000
8.	Cửa hàng Thương mại Dịch vụ C11	8.629.680.000	2.588.904.000	6.040.776.000
9.	Cửa hàng xăng dầu KTTDV ô đất C9	6.000.000.000	6.000.000.000	
10.	Sân ủi mặt bằng, trồng cỏ dọc hành lang đường ĐT777	700.000.000	700.000.000	
	TỔNG CỘNG	297.957.786.140	98.993.955.431	198.963.830.709